TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **106**/2017/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thu Thủy**
2. Bà **Lý Ngọc Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017/TLST-DS ngày 17/7/2017 về việc tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lý Thị B**, sinh năm 1922. (chết ngày 19/4/2017)

Địa chỉ: Số 112, Tổ A, ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà **Lý Thị B**:

1.1. Bà **Lý Thị L**, sinh năm 1954; (có mặt)

Địa chỉ: Đường K, phường ĐK, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà **Lý Thị H**, sinh năm 1948;

Địa chỉ: 910 WS St # H A. CA. 9 U.SA.

Đại diện theo ủy quyền của bà H là bà **Lý Thị L**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Đường K, phường ĐK, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 04 tháng 5 năm 2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lý Thị L và bà Lý Thị H:

Luật sư **Nguyễn Anh T** – Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lý Ngọc C**; sinh năm 1926. (chết ngày 31/12/2016);

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông **Lý Ngọc C**:

2.1. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1962; (có mặt)

2.2. Anh **Lý Ngọc T**, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1962; (có mặt)

3.2. Anh **Lý Ngọc T**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh Lý Ngọc T là bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 4 năm 2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 07/3/2016 của nguyên đơn **Lý Thị B** và tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 03/5/2017của bà **Lý Thị H**, bà **Lý Thị L** (là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn) và quá trình giải quyết vụ án tại các biên bản hòa giải ngày 06/5/2016, 20/7/2016 và 08/9/2017 bà **Lý Thị L** trình bày:*

Phần đất tranh chấp có diện tích 230m^2 (10m x 13m) (đo đạc thực tế 231,5m^2) nằm trong diện tích 5.420m^2, thửa 479, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0010244/QSDĐ/TP ngày 07/3/1997 cho bà Lý Thị B.

Năm 1994, bà Lý Thị B cho em ruột là ông Lý Ngọc C tạm sử dụng diện tích 36m^2 (3m x 12m) để cất nhà ở. Đến năm 2013, ông Lý Ngọc C nới rộng thêm diện tích 36m^2 (3m x 12m) để cất thêm gian nối liền căn nhà nêu trên, cùng sống chung với vợ chấp nối là bà Nguyễn Thị M, không thông qua ý kiến của bà B.

Năm 2015, ông C lại nới rộng thêm diện tích 36m^2 (3m x 12m), cất gian nhà nối liền với căn nhà cất năm 1994 để cho con là Lý Ngọc T ở, bất chấp sự ngăn cản của bà B nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn là ông Lý Ngọc C và những người ở trên đất (gồm: bà Nguyễn Thị M, anh Lý Ngọc T) có trách nhiệm tháo dỡ nhà, giao trả cho nguyên đơn diện tích đất 230m^2 (10m x

23m) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà Lý Thị B chết, bà L và bà H là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn bà Nguyễn Thị M, anh Lý Ngọc T là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lý Ngọc C có trách nhiệm tháo dỡ nhà, giao trả cho phía nguyên đơn diện tích đất 230m^2 (10m x 23m) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà L và bà H đồng ý bồi thường cho phía bị đơn 20.000.000 đồng tiền tháo dỡ nhà và di dời các công trình trên đất. Số tiền này là để bồi thường cho căn nhà cất năm 1994, riêng 02 phần căn nhà xây dựng thêm do ông C tự ý xây dựng thì tự tháo dỡ, bà L và bà H không đồng ý bồi thường. Các cây trồng trên đất 02 bà đồng ý bồi thường theo biên bản định giá nhưng trừ cây dừa lâu năm vì cây dừa này do bà B trồng.

*Tại đơn xin trình bày ý kiến ngày 21/4/2016 và đơn xin xác nhận về ý kiến của bị đơn ngày 10/4/2017 của bà Nguyễn Thị M và anh Lý Ngọc T (là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn **Lý Ngọc C**; đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan) và trong quá trình giải quyết vụ án tại các biên bản hòa giải 06/5/2016, 20/7/2016 và 08/9/2017 bà **Nguyễn Thị M** trình bày:*

Trước đây, diện tích đất 5.420m^2 đất nói trên là của ông C chồng bà. Sau đó, ông C bán lại cho bà B nhưng phần mồ mã không có bán (khoảng 1.000m^2) nhưng bà thừa nhận hiện nay toàn bộ diện tích thửa đất bà B đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1994, ông C có cất nhà diện tích bao nhiêu bà không rõ. Sau đó, ông C có nới rộng căn nhà 02 lần vào năm 2013 và năm 2015 như bà L trình bày.

Ông C, bà và con trai là anh Lý Ngọc T cùng ở trong căn nhà có 03 gian trên đất tranh chấp. Khi bà về sống cùng ông C, lúc đó là căn nhà lá đơn sơ, khoảng 30 năm chung sống cùng ông C, bà đã bỏ tiền ra gia cố và sửa chữa căn nhà mới được như hiện nay. Vì ngoài căn nhà này, gia đình bà không còn nơi ở nào khác. Việc tháo dỡ nhà rất khó khăn và bất tiện cho gia đình bà di dời sang chỗ ở mới. Giờ ông C đã mất, bà và anh T đồng ý trả đất với điều kiện: nếu tháo dỡ nhà thì bà yêu cầu hỗ trợ 150.000.000 đồng; còn nếu không tháo dỡ, để nguyên hiện trạng nhà và các công trình trên đất cho phía nguyên đơn sử dụng thì bà yêu cầu hỗ trợ số tiền là 180.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lý Thị B là Lý Thị L cùng đại diện cho Lý Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Lý Ngọc C là Nguyễn Thị M và Lý Ngọc T phải tháo dỡ nhà, vật kiến trúc để giao trả 231,5m^2 đất cho phía nguyên đơn với thời hạn lưu cư 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Bà L cùng bà H đồng ý hỗ trợ tiền di dời nhà cho bà M và anh T là 50.000.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất, trừ cây dừa do mẹ bà trồng và cây mít bà M đã đốn sau khi được định giá.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn Lý Ngọc C là Nguyễn Thị M

cùng đại diện cho Lý Ngọc T đồng ý giao trả 231,5m^2 đất cho phía nguyên đơn nhưng phải hỗ trợ tiền di dời nhà là 150.000.000 đồng và xin lưu cư 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lý Thị L và Lý Thị H trình bày: Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn tháo dỡ, trả lại 231,5m^2 đất cho phía nguyên đơn là có căn cứ vì đất đó do cụ Lý Thị B được cấp chủ quyền hợp pháp. Cụ B chỉ cho cụ C ở tạm, nay cụ C chết, phía bà M cũng đồng ý trả lại đất nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn.

Về cấu trúc căn nhà và cây trồng trên đất đã được thẩm định, đo đạc và định giá phần căn nhà và công trình phụ là 103.254.044 đồng và cây trồng trên đất 4.030.000 đồng. Tổng cộng 107.284.044 đồng nhưng phía bị đơn yêu cầu hỗ trợ 150.000.000 đồng là không hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần hỗ trợ chi phí di dời cho bị đơn.

Về án phí thì căn cứ theo Điều 2 Luật người cao tuổi và Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 của Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễm giảm án phí cho bà L và bà H vì hai bà đã cao tuổi, một bà 63 tuổi và một bà 69 tuổi.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu nhận xét về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử đều đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu phía nguyên đơn xử buộc bà M, anh T trả lại cho nguyên đơn 231,5m^2 đất thuộc thửa 479 tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0010244/QSDĐ/TP ngày 07/3/1997 do bà B đứng tên. Buộc phía nguyên đơn là bà L và bà H bồi thường hỗ trợ di dời nhà cho bà M và anh T là 109.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 06/7/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Sau khi đưa ra thẩm tra xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày và tranh luận của các đương sự, lời bảo vệ của luật sư, ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong vụ án và quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn Lý Thị B và bị đơn Lý Ngọc C đều đã chết nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ nguyên đơn là bà Lý Thị L, bà Lý Thị H và bị đơn là Nguyễn Thị M, anh Lý Ngọc T tiếp tục tham gia tố tụng đúng với Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa, bà Lý Thị H và anh Lý Ngọc T vắng mặt nhưng trước đó cả hai người đều có làm giấy ủy quyền cho bà

Lý Thị L và bà Nguyễn Thị M đại diện tham gia tố tụng đúng với Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 138 của Bộ luật dân sự.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp là đòi lại tài sản về quyền sử dụng đất được điều chỉnh theo khoản 9 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 Bộ luật dân sự và Điều 166 Luật đất đai.

Về nội dung tranh chấp, phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn tháo dỡ nhà và công trình xây dựng để trả lại cho nguyên đơn 230m^2 đất (đo đạc thực tế 231,5m^2) với lý do phần đất này nằm trong thửa 479, tờ bản đồ số 1 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 0010244/QSDĐ/TP ngày 07/3/1997 cho bà Lý Thị B đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang có tổng diện tích 5.420m^2. Năm 1994, cụ Lý Thị B cho cụ Lý Ngọc C là em ruột tạm sử dụng 36m^2 (3 x 12) để cất nhà ở. Năm 2013, cụ C cất thêm căn nhà liền kề diện tích 36m^2 (3 x 12). Năm 2015, cụ C lại cất thêm căn nhà nới rộng diện tích 36m^2 (3 x 12) để cho con trai tên Lý Ngọc T ở nhưng không được sự đồng ý của cụ B. Nếu phía bị đơn đồng ý tháo dỡ nhà trả lại đất cho nguyên đơn thì bà L, bà H hỗ trợ bồi thường chi phí di dời là 50.000.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất. Trừ cây dừa do cụ B trồng và cây mít do bà M đã đốn sau khi định giá.

[2] Phía bị đơn bà Nguyễn Thị M thừa nhận phần đất đang tranh chấp 231,5m^2 là của cụ Lý Thị B cho cụ Lý Ngọc C chồng bà cất nhà ở vào năm 1994 nhưng vào thời điểm đó không rõ diện tích bao nhiêu m^2. Năm 2013 và 2015 thì bà và cụ C tiếp tục xây dựng nới rộng căn nhà thành 142,25m^2 như đo đạc thực tế. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đồng ý trả đất nhưng với điều kiện phía nguyên đơn hỗ trợ tiền tháo dỡ nhà là 150.000.000 đồng. Đồng thời xin cho thời gian lưu cư 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để có thời gian sắp xếp chổ ở mới ổn định cuộc sống.

[3] Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn tháo dỡ nhà và vật kiến trúc trả lại cho nguyên đơn 230m^2 (đo đạc thực tế là 231,50m^2) đất là có cơ sở, bởi lẽ phần đất do cụ C, bà M và anh T cất nhà nằm trong diện tích 5.420m^2 thuộc thửa 479 tờ bản đồ số 1 do UBND huyện CT, tỉnh Tiền Giang cho cụ Lý Thị B đứng tên. Cụ B được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai. Khi còn sống, cụ B đã khởi kiện yêu cầu cụ C, bà M, anh T dỡ nhà trả lại đất cho cụ. Nay bà L, bà H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ B tiếp tục yêu cầu bà M, anh T dỡ nhà trả lại đất cho hai bà thừa hưởng là có căn cứ phù hợp với Điều 166 của Bộ luật dân sự và Điều 166 của Luật đất đai nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản nằm trên phần đất buộc bà M và anh T giao trả, qua thẩm định, đo đạc và định giá của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền ghi nhận như sau:

1/ Nhà ở của Lý Ngọc C và Nguyễn Thị M: Diện tích (8,6m x 5,7m) + (3m x 4,25m) = 57,32m^2

Kết cấu cột bêtông đúc sẵn, nền gạch bông, mái tole firocimane, vách tường, tỉ lệ còn lại 50%. Đơn giá 1.930.000 đồng x 57,32m^2 x 50% thành tiền 55.313.800 đồng.

2/ Nhà bếp, nhà tắm diện tích (2,5m x 1,9m) + (5,8m x 3,8m) = 26,79m^2

Kết cấu cột bêtông đúc sẵn, vách tường chưa tô, cao 1m phía trên lưới B40, nền gạch bông 15%, nền đất 85%, mái tole firocimane, tỉ lệ còn lại 30%. Đơn giá 1.318.500 đồng x 26,79m^2 x 30% thành tiền 10.596.785 đồng.

3/ Sàn nước láng xi măng: Diện tích 6m x 2,8m = 16,8m^2 tỷ lệ còn lại 50%. Đơn giá 115.000 đồng x 16,8m^2 x 50% thành tiền 966.000 đồng.

4/ Nhà ở do Lý Ngọc T sử dụng: Diện tích 10,6m x 3,9m = 41,34m^2

Kết cấu cột bêtông đúc sẵn, vách tường tô một mặt, nền xi măng 55%, nền gạch men 45%, trần nhựa 18m^2, mái tole firocimane, tỉ lệ còn lại 50%. Đơn giá 1.759.915 đồng x 41,34m^2 x 50% = 36.377.443 đồng.

5/ Cây trồng trên đất:

- Dừa loại A : 01 cây x 1.000.000 đồng = 1.000.000 đồng
- Vú sữa loại B2 : 01 cây x 1.200.000 đồng = 1.200.000 đồng
- Nhãn loại B1 : 01 cây x 560.000 đồng = 560.000 đồng
- Sầu riêng loại B2: 01 cây x 690.000 đồng = 690.000 đồng
- Mít loại B1 : 01 cây x 580.000 đồng = 580.000 đồng.

Toàn bộ cấu trúc nhà ở, công trình phụ và cây trồng trên đất trị giá 107.284.028 đồng nhưng bà M yêu cầu phía nguyên đơn hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời là 150.000.000 đồng. Tại Tòa bà L tự nguyện hỗ trợ 50.000.000 đồng chứ không chấp nhận yêu cầu của bà M vì bà L cho rằng phần căn nhà được cụ B cho cụ C cất vào năm 1994 chỉ có 36m^2 đến nay đã xuống cấp, giá trị không lớn, nhưng đồng ý hỗ trợ di dời 50.000.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất trừ cây dừa do mẹ bà trồng từ rất lâu và cây mít vì bà M đã đốn không còn.

Đối với phần cất nhà thêm vào năm 2013 và 2015 thì bà L không chịu hỗ trợ vì cụ C và bà M, anh T tự lấn chiếm cất không được sự đồng ý của cụ B. Khi phát hiện cụ C, bà M xây cất nhà trên đất của mẹ bà thì mẹ bà đã thưa kiện cho đến nay.

Xét thấy phần diện tích đất được cụ B cho cụ C cất nhà ở tạm vào năm 1994 chỉ có 36m^2 nhưng sau đó cụ C lấn chiếm xây dựng thêm vào năm 2013 và 2015 lên thành 142,25m^2. Việc lấn chiếm xây dựng nhà trên đất của cụ B từ sau năm 1994 đến năm 2015 không có sự đồng ý của cụ B. Do đó bà M yêu cầu các con cụ B là bà L, bà H hỗ trợ tiền di dời cho bà 150.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận được nên cần buộc bà M, anh T tự tháo dỡ, di dời nhà và tài sản đi nơi khác trả lại đất cho nguyên đơn với thời gian lưu cư 03 tháng.

Về phần bà L, trước Tòa bà đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà cho bà M, anh T 50.000.000 đồng và giá trị cây trồng gồm vú sữa, nhãn, sầu riêng, tổng cộng 2.450.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà L, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Về quyền và nghĩa vụ giao nhận tài sản của nguyên đơn và bị đơn do những người thừa kế quyền, nghĩa vụ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm thì bà M và anh T phải chịu phần nghĩa vụ giao trả đất là 200.000 đồng. Bà M phải chịu án phí theo giá ngạch của phần yêu cầu hỗ trợ vượt quá không được chấp nhận là 5.000.000 đồng.

Đối với bà Lý Thị L và Lý Thị H đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà và giá trị cây trồng cho bà M nhưng chưa thực hiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 3, Điều 24 và khoản 5, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Từ những nhận định trên Tòa án chỉ chấp nhận phần đề nghị của Luật sư và của Đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, phần còn lại không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 74, 85, 264, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 và 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L và bà Lý Thị H là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lý Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị M và anh Lý Ngọc T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn Lý Ngọc C tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và vật kiến trúc cất trên phần đất diện tích 231,50m2 gồm: Căn nhà của cụ Lý Ngọc C và bà Nguyễn Thị M diện tích (8,6m x 5,7m) + (2m x 4,15m) = 57,32m^2, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền gạch bông, mái tole firocimane, vách tường; căn nhà bếp, nhà tắm diện tích (2,5m x 1,9m) + (5,8m x 3,8m) = 26,79m^2; sàn nước láng xi măng diện tích 6m x 2,8m = 16,8m^2; nhà ở của Lý Ngọc T diện tích 10,6m x 3,9m = 41,34m^2 kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường, nền xi măng + gạch men, trần nhựa, mái tole firocimane để giao trả cho bà Lý Thị L và Lý Thị H là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lý Thị B phần đất 231,50m^2 nằm trong thửa 479 tờ bản đồ số 1 với tổng diện tích 5.420m^2 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0010244/QSDĐ/TP ngày 07/3/1997 cho bà Lý Thị B đứng tên, tọa lạc ấp B, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Bắc, Nam, Đông giáp phần đất còn lại của cụ Lý Thị B

Hướng Tây giáp đường Bờ Xe – Cây xanh

(có sơ đồ vị trí kèm theo)

Trên đất có 01 cây dừa loại A; 01 cây vú sữa loại B2; 01 cây nhãn loại B1; 01 cây sầu riêng loại B2.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M đòi bà Lý Thị L và bà Lý Thị H hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà và anh T là 150.000.000 đồng.

3/ Ghi nhận bà Lý Thị L cùng bà Lý Thị H cùng hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà Nguyễn Thị M và anh Lý Ngọc T 50.000.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất là 2.450.000 đồng. Tổng cộng 52.450.000 đồng (Năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Thời gian lưu cư: cho bà Nguyễn Thị M và anh Lý Ngọc T được ở lại trên đất giao trả cho bà L, bà H trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

5/ Kể từ ngày bà M, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và bà H chậm thi hành số tiền hỗ trợ cho bà M và anh T thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

6/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M và anh Lý Ngọc T phải L đới cùng chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lý Thị L và bà Lý Thị H phải L đới cùng chịu 2.622.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho cụ Lý Thị B 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24558 ngày 07/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang do bà Lý Thị L thừa kế quyền, nghĩa vụ nhận.

7/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại Điều 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 14 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2017, có mặt bà L và bà M.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh,
- VKSND tỉnh Tiền Giang,
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang,
- Chi cục THADS huyện CT,
- Đương sự,
Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoàng Khải